

## HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TỪ CHỐI NHẬN DI SẢN

*NGUYỄN PHƯƠNG THẢO\**

*HUỲNH QUANG THUẬN\*\**

*Ngày nhận bài: 12/11/2018*

*Ngày phản biện: 22/11/2018*

*Ngày đăng bài: 25/12/2018*

### **Tóm tắt:**

Quyền từ chối nhận di sản là một quy định không mới trong lĩnh vực pháp luật về thừa kế nhằm bảo đảm quyền tự định đoạt của công dân khi họ được hưởng quyền thừa kế. Sau nhiều lần sửa đổi Bộ luật Dân sự, quy định về quyền từ chối nhận di sản ngày càng được hoàn thiện hơn nhưng những bất cập còn tồn tại là không thể tránh khỏi. Bài viết trao đổi về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền từ chối nhận di sản như điều kiện, thủ tục, thời hạn từ chối nhận di sản trên cơ sở so sánh quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 với pháp luật một số quốc gia nhằm chỉ ra một số điểm tiến bộ đáng học hỏi.

### **Từ khoá:**

Từ chối nhận di sản, thừa kế, người thừa kế.

### **Abstract:**

The right to refuse to inherit is not the new rule in the inheritance legislation that guarantees the right to self-determination of citizens when they are entitled to inheritance. After many amendments to the Civil Code, the provisions on this field are becoming more complete, but the inadequacies still exist. The article discusses some legal issues related to the right of refusing to receive an estate, such as the conditions, procedures and time limits for refusal based on comparing the provisions of the Civil Code in 2015 with the civil law of some countries.

### **Keywords:**

Refusal to receive inheritance, inheritance, heirs.

### **1. Cơ sở lý luận và pháp luật của quyền từ chối nhận di sản**

Thừa kế theo cách hiểu thông thường là việc dịch chuyển tài sản của người chết sang cho (những) người sống nhằm chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản theo truyền thống, phong tục tập quán của từng dân tộc. Chế định pháp luật thừa kế có vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho sở hữu tư nhân tồn tại và phát triển, quy định cụ thể về cách thức

\* NCS. ThS., Giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* NCS. ThS., Giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

chuyển dịch tài sản nhằm thực hiện và bảo vệ tốt nhất quyền sở hữu cho công dân. Trước đây, Luật La Mã quy định hai hình thức cơ bản là thừa kế theo di chúc (*testato*) và thừa kế theo luật (*intestato*), ngoài ra còn có thừa kế theo lệnh của các quan. Pháp luật dân sự hiện đại tiếp thu pháp luật La Mã, ghi nhận hai hình thức thừa kế bao gồm thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trong thừa kế theo di chúc, người chết chuyển giao di sản của mình cho người thừa kế trên cơ sở một hành vi pháp lý đơn phương, xuất phát từ ý chí của một bên là người để lại di sản nhằm thực hiện định đoạt tài sản của mình. Đối với thừa kế theo pháp luật, sự dịch chuyển tài sản của người chết để lại sang người còn sống căn cứ vào quy định của pháp luật, được coi là “sự phỏng đoán” ý chí của người để lại di sản<sup>1</sup>. Luật La Mã rất coi trọng nguyên tắc *Semel heres, semper heres* - “người được chỉ định là thừa kế, sẽ vĩnh viễn là thừa kế”.<sup>2</sup> Mặc dù vậy, một trong những nguyên tắc của pháp luật dân sự từ trước đến nay là đề cao quyền quyết định và tự định đoạt của các bên, những người thừa kế được pháp luật trao quyền từ chối nhận di sản.

Việc cho phép cá nhân để lại di sản sau khi chết luôn đồng hành song song với việc cho phép người thừa kế được quyền từ chối nhận di sản, bởi vì đây là sự tôn trọng quyền tự định đoạt của họ. Điều này được ghi nhận trong pháp luật về thừa kế qua các thời kỳ. Cụ thể: Pháp lệnh thừa kế năm 1990 ghi nhận việc khước từ quyền hưởng di sản tại Điều 31, theo đó người thừa kế có thể khước từ quyền hưởng di sản, trừ trường hợp việc khước từ đó nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân về tài sản; thời hạn khước từ quyền hưởng di sản là sáu tháng, kể từ ngày người thừa kế biết thời điểm mở thừa kế; người khước từ quyền hưởng di sản phải thông báo việc khước từ cho người thừa kế khác, Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan công chứng nơi mở thừa kế. Sự ra đời Hiến pháp 1992 cũng như việc sửa đổi, bổ sung của các luật chuyên ngành như Luật Hôn nhân và Gia đình 2000, Luật Đất đai 2003, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi), Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Thương mại dẫn đến sự ra đời của Bộ luật Dân sự 1995, Bộ luật Dân sự 2005 và sau đó là Bộ luật Dân sự 2015 đã có những quy định hoàn thiện hơn về quyền từ chối nhận di sản. Các Bộ luật Dân sự một mặt vẫn giữ tinh thần chung của Pháp lệnh thừa kế, chẳng hạn như quy định cho phép người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác; việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác... Một vấn đề pháp lý có sự thay đổi hoàn thiện hơn qua các thời kỳ là quy định về thời hạn từ chối nhận di sản. Thời hạn này là sáu tháng, kể từ ngày mở thừa kế đối với Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005<sup>3</sup>, còn theo Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015: “Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản”. Đây được đánh giá là một sửa đổi tích cực

<sup>1</sup> Lê Đình Nghị (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam - Tập một*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 275.

<sup>2</sup> Nguyễn Ngọc Điện (1999), *Một số suy nghĩ về thừa kế trong Bộ luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 54.

<sup>3</sup> Điều 645 Bộ luật Dân sự 1995, Điều 642 Bộ luật Dân sự 2005.

của Bộ luật Dân sự 2015, hạn chế những bất cập mà các quy định tương tự trước đây gặp phải.

Như vậy, mặc dù đã có nhiều thay đổi từ Pháp lệnh thừa kế 1990 cho đến Bộ luật Dân sự 2015, nhưng các nhà làm luật đều tiếp cận quyền từ chối nhận di sản dưới các góc độ: điều kiện từ chối nhận di sản, thủ tục từ chối nhận di sản và thời hạn được từ chối nhận di sản.

## 2. Điều kiện từ chối nhận di sản

Pháp luật về thừa kế qua các thời kỳ đều quy định điều kiện để từ chối nhận di sản đó là người thừa kế không được từ chối nhận di sản *nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về mặt tài sản của mình*. Bởi lẽ, quyền thừa kế là một quyền tài sản, có thể đem lại cho người thừa kế những lợi ích nhất định từ việc nhận di sản thừa kế. Việc người thừa kế từ chối nhận di sản tức là từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản của mình có thể xâm phạm đến quyền lợi của chủ thể thứ ba mà người thừa kế đang có nghĩa vụ về mặt tài sản. Việc thực hiện từ chối quyền sở hữu như vậy đã vi phạm Khoản 2 Điều 160 Bộ luật Dân sự 2015 về nguyên tắc thực hiện quyền sở hữu: “*Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản nhưng không được trái với quy định của luật, gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác*”. Chính vì thế, pháp luật dân sự không cho phép người thừa kế được từ chối nhận di sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của mình và điều này là hoàn toàn hợp lý. Liên quan đến yêu cầu này, một vấn đề cần lưu ý thêm là thuật ngữ “*nghĩa vụ tài sản của mình*” cần phải được hiểu đúng. Trong một số trường hợp, thuật ngữ này còn được hiểu bao gồm cả nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng Bộ luật Dân sự 2015, tinh thần chung của quy định này là không bao gồm nghĩa vụ tài sản do người chết để lại mà chỉ đề cập đến nghĩa vụ riêng của người thừa kế<sup>4</sup>.

So sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy rằng nhìn chung pháp luật các nước đều cho phép người thừa kế từ chối nhận di sản, mặt khác vẫn bảo vệ quyền lợi của chủ nợ đối với người thừa kế. Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan cho phép chủ nợ có quyền yêu cầu hủy bỏ việc từ chối nhận di sản và yêu cầu Tòa án cho phép mình thay thế người thừa kế để nhận phần di sản. Phần tài sản còn dư sau khi thực hiện nghĩa vụ đối với chủ nợ sẽ được hoàn trả lại cho con cháu của người thừa kế hoặc những người thừa kế khác tùy theo từng trường hợp<sup>5</sup>. Bộ luật Dân sự Quebec cho phép chủ nợ của người thừa kế từ chối nhận di sản trong thời hạn một năm được quyền yêu cầu Tòa án không công nhận việc từ chối này và cho phép họ nhận phần di sản thay cho người thừa kế có nghĩa vụ với họ<sup>6</sup>. Bộ luật Dân sự Pháp cũng quy định tương tự Bộ luật Dân sự Quebec, tức là cũng cho phép chủ nợ yêu cầu Tòa án chấp nhận cho thay thế người thừa kế nhận phần di sản để thực hiện nghĩa vụ đối với

---

<sup>4</sup> Đỗ Văn Đại (2016), *Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và Bình luận bản án, tập 1*, Nxb Hồng Đức, tr. 215.

<sup>5</sup> Điều 1614 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan.

<sup>6</sup> Điều 652 Bộ luật Dân sự Quebec.

minh<sup>7</sup>. Ở Tây Ban Nha, nếu việc từ chối nhận di sản gây thiệt hại cho những người có quyền thì những người có quyền có thể yêu cầu Toà án cho phép họ chấp nhận di sản trên danh nghĩa của người từ chối nhận di sản<sup>8</sup>.

Một vấn đề cần lưu ý ở đây, tồn tại hai hình thức thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Nếu một chủ thể chỉ đơn thuần là người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật thì việc từ chối nhận di sản tương đối đơn giản. Tuy nhiên, trong trường hợp một chủ thể vừa là người thừa kế theo di chúc vừa là người thừa kế theo pháp luật thì việc thể hiện ý chí từ chối nhận di sản có thể xảy ra các trường hợp sau: (1) Chỉ từ chối quyền hưởng thừa kế theo di chúc mà không từ chối quyền hưởng thừa kế theo pháp luật; (2) Chỉ từ chối quyền hưởng thừa kế theo pháp luật mà không từ chối quyền hưởng thừa kế theo di chúc; (3) Từ chối cả quyền hưởng thừa kế theo di chúc và quyền hưởng thừa kế theo pháp luật. Pháp luật dân sự không quy định rõ ràng người thừa kế có được quyền chỉ từ chối nhận di sản theo di chúc hoặc từ chối nhận di sản theo pháp luật trong trường hợp vừa là người thừa kế theo di chúc, vừa là người thừa kế theo pháp luật hay không. Pháp luật cũng không có quy định minh thị theo hướng khi người thừa kế từ chối nhận di sản thì đồng nghĩa với việc họ từ chối cả việc thừa kế theo pháp luật lẫn thừa kế theo di chúc. Theo quan điểm của tác giả, cần phải hiểu theo hướng cho phép người thừa kế được từ chối một phần quyền thừa kế của mình. Bởi lẽ, chúng ta phải tôn trọng nguyên tắc quyết định và tự định đoạt của các chủ thể trong quan hệ dân sự, trong đó các chủ thể có thể thực hiện những hành vi theo ý muốn của mình, miễn là không trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích của người khác. Chính vì thế, không có lý do gì để ngăn cấm người thừa kế từ bỏ một phần quyền thừa kế của mình.

### 3. Thủ tục từ chối nhận di sản

Thủ tục từ chối nhận di sản cũng có sự thay đổi tương đối từ Pháp lệnh thừa kế 1990 cho đến Bộ luật Dân sự 2015. Nếu như tại Pháp lệnh thừa kế không quy định hình thức của việc từ chối nhận di sản mà chỉ quy định người thừa kế phải thông báo cho những người thừa kế khác, Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan công chứng nơi mở thừa kế, điều này có thể hiểu là người thừa kế có thể thông báo việc khước từ di sản bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác như bằng miệng, thư điện tử... Trong khi đó, tại Bộ luật Dân sự 1995, Bộ luật Dân sự 2005 cũng như Bộ luật Dân sự 2015 quy định rõ ràng, việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản. Pháp luật Việt Nam theo hướng không cho phép từ chối nhận di sản ngầm định. Khoản 2 Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015 quy định việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến các chủ thể: người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết. Việc người thừa kế từ chối nhận di sản có nghĩa là từ chối quyền sở hữu đối với tài sản đáng lẽ có thể trở thành của mình, do đó cần thiết phải

<sup>7</sup> Điều 788 Bộ luật Dân sự Pháp.

<sup>8</sup> JurisClasser Droit compare', Fas. 2 Espagne, 2010, phần số 12.

lập thành văn bản - hình thức thể hiện ý chí rõ ràng, chính xác nhất. Trong trường hợp người thừa kế từ chối nhận di sản nhưng không bằng văn bản (chẳng hạn: bằng lời nói) thì không thể xem đây là từ chối nhận di sản. Nếu vào thời điểm phân chia di sản mà người này vẫn không đồng ý nhận di sản (vì cho rằng mình đã từ chối), có hai quan điểm được đưa ra để giải quyết: Thứ nhất, dùng kỹ phần thừa kế đó tiếp tục chia đều cho những người thừa kế còn lại (cùng hàng thừa kế của người để lại di sản); thứ hai, coi đây là một trường hợp từ bỏ quyền sở hữu, kỹ phần thừa kế đó là tài sản vô chủ và thuộc về nhà nước<sup>9</sup>. Nếu áp dụng phương án thứ nhất, đồng nghĩa với việc công nhận người thừa kế đã từ chối nhận di sản. Hướng giải quyết này chưa hợp lý vì không phù hợp với quy định pháp luật. Đặc biệt nếu vào thời điểm phân chia di sản người này lại tiếp tục thay đổi ý định (vì ban đầu chỉ thể hiện bằng lời nói) dẫn đến không bảo vệ tốt quyền lợi của những người thừa kế khác. Do vậy, tác giả theo hướng của phương án thứ hai, người này vẫn nhận di sản và trở thành chủ sở hữu tài sản đó, có quyền từ bỏ quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Một điểm tiến bộ nữa mà Bộ luật Dân sự 2015 đã sửa đổi đó là ý nghĩa pháp lý của thủ tục thông báo đến các chủ thể khác. Nếu như trước đây pháp luật dùng cụm từ “phải thông báo” tức là xem việc này là một nghĩa vụ bắt buộc thì trong Bộ luật Dân sự hiện hành, tại Khoản 2 Điều 620 đã bỏ đi từ “phải” và bổ sung thêm mục đích của việc thông báo là “để biết”. Thay đổi này tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng vì hoá giải được vấn đề là, việc thông báo không phải là điều kiện bắt buộc, không ảnh hưởng đến hiệu lực của việc từ chối nhận di sản<sup>10</sup>. Hướng sửa đổi này là phù hợp và cần thiết.

So sánh với pháp luật nước ngoài, có thể thấy rằng hầu hết các quốc gia đều quy định việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản. Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan quy định việc từ chối nhận di sản có thể được trình bày rõ ràng và ghi nhận bằng văn bản tại cơ quan có thẩm quyền hoặc bởi một văn bản thỏa thuận<sup>11</sup>. Bộ luật Dân sự và thương mại Thái Lan không bắt buộc người thừa kế phải gửi văn bản từ chối nhận di sản cho các chủ thể có liên quan khác. Bộ luật Dân sự Quebec quy định việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện bằng một văn bản có công chứng hoặc một tuyên bố pháp lý<sup>12</sup>. Tuy nhiên, người thừa kế cũng bị cho là từ bỏ quyền thừa kế trong một số trường hợp luật định, chẳng hạn như không biết hoặc không thể hiện việc mình biết đối với quyền thừa kế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày quyền thừa kế phát sinh<sup>13</sup>. Bộ luật Dân sự Nga quy định việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản tại văn phòng công chứng có thẩm quyền nơi mở thừa kế<sup>14</sup>. Theo Bộ

<sup>9</sup> Nguyễn Văn Mạnh (2002), *Hoàn thiện chế định thừa kế trong Bộ luật Dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 4, tr. 21.

<sup>10</sup> Đỗ Văn Đại (Chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, tr. 509.

<sup>11</sup> Điều 1612 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan.

<sup>12</sup> Điều 646 Bộ luật Dân sự Quebec.

<sup>13</sup> Điều 650 Bộ luật Dân sự Quebec.

<sup>14</sup> Điều 1159 Bộ luật Dân sự Nga.

luật Dân sự Pháp thì việc từ chối nhận di sản chỉ có thể được lập tại Tòa án Quận, với một thủ tục đăng ký đặc biệt dành riêng cho việc này<sup>15</sup>.

Về hình thức của văn bản từ chối nhận di sản, Bộ luật Dân sự không bắt buộc phải được công chứng, chứng thực mà chỉ quy định người thừa kế có thể yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản<sup>16</sup>. Điều này đã dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau về việc công chứng, chứng thực đối với văn bản từ chối nhận di sản. Trên thực tế, khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc khai nhận hoặc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, các tổ chức hành nghề công chứng và các cơ quan có thẩm quyền khác trong một số trường hợp yêu cầu văn bản từ chối nhận di sản phải được công chứng, chứng thực. Theo quan điểm của tác giả, nếu hiểu đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật công chứng 2014 thì việc từ chối nhận di sản không bắt buộc phải được công chứng, chứng thực, mà đây là quyền của người thừa kế để đảm bảo tính giá trị của văn bản từ chối nhận di sản. Trong trường hợp các đồng thừa kế hoặc các chủ thể khác có liên quan đến việc phân chia thừa kế có tranh chấp về văn bản từ chối nhận di sản thì sẽ phải tự chứng minh cho hiệu lực của văn bản từ chối nhận di sản này. Một số tranh chấp đã được giải quyết tại Tòa án minh chứng cho vấn đề này: Quyết định số 505/2010/DS-GĐT ngày 18/8/2010 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao, Bản án số 1033/2008/DS-PT ngày 04/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Thời hạn từ chối nhận di sản**

Thời hạn từ chối nhận di sản là khoảng thời gian mà pháp luật quy định cho phép người thừa kế được thực hiện quyền từ chối nhận di sản của mình. Hết thời hạn này, người thừa kế bị mất quyền từ chối nhận di sản và buộc phải chấp nhận quyền hưởng di sản thừa kế của mình. Trong quá trình Dự thảo sửa đổi Bộ luật Dân sự 2005, thời hạn từ chối nhận di sản là vấn đề gây nhiều bàn cãi trong giới nghiên cứu khoa học.

Pháp lệnh thừa kế 1990, Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005 đều quy định giống nhau về thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng. Tuy nhiên, có sự khác biệt về thời điểm bắt đầu thời hạn từ chối nhận di sản trong các văn bản này. Nếu như trong Pháp lệnh thừa kế 1990 ghi nhận thời điểm bắt đầu thời hạn khước từ di sản là thời điểm người thừa kế biết được thời điểm mở thừa kế. Trong khi đó, Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005 ghi nhận thời điểm bắt đầu thời hạn từ chối nhận di sản chính là thời điểm mở thừa kế. Nói cách khác, mặc dù Pháp lệnh thừa kế 1990, Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005 đều quy định thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng nhưng khoảng thời gian trên thực tế mà người thừa kế được quyền từ chối nhận di sản theo Pháp lệnh thừa kế 1990 sẽ dài hơn so với Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005. Bởi lẽ, người thừa kế không phải lúc nào cũng biết được thời điểm người để lại di sản chết hoặc bị tuyên bố là đã chết là lúc nào. Ví dụ:

<sup>15</sup> Điều 784 Bộ luật Dân sự Pháp.

<sup>16</sup> Điều 59 Luật Công chứng 2014 (Luật số 53/2014/QH13, ngày 20/6/2014).

người thừa kế đang định cư ở nước ngoài, mất liên lạc,... không có điều kiện biết được thời điểm người để lại di sản chết thì theo Pháp lệnh thừa kế 1990 thời hạn từ chối nhận di sản của họ sẽ bắt đầu từ thời điểm họ biết được việc người để lại di sản chết.

Khi áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 trong thực tiễn, có rất ít trường hợp người nhận di sản thực hiện việc từ chối nhận di sản trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế (tức là ngày mà người để lại di sản chết). Có nhiều trường hợp, sau khi người để lại di sản chết vài năm, việc phân chia di sản mới được đặt ra (đây là đặc điểm trong cách xử sự truyền thống của người Việt Nam). Khi đó, tranh chấp về thừa kế mới bắt đầu nảy sinh và các bên đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhiều người trong số các đương sự vì không muốn tham gia vào vụ tranh chấp hoặc vì các lý do khác đã làm đơn xin Tòa án cho phép họ từ chối nhận di sản thừa kế (tức là họ từ bỏ một quyền năng của mình). Việc Tòa án chấp nhận yêu cầu này dẫn đến vi phạm quy định về thời hạn từ chối di sản. Nếu Tòa án không cho họ thực hiện quyền năng này thì rõ ràng ý chí định đoạt quyền năng của họ đã không được đảm bảo. Có thể thấy rằng, việc quy định thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng là không phù hợp. Về mặt lý luận, nếu sau sáu tháng mà người thừa kế không muốn nhận di sản này có thể thực hiện thủ tục từ bỏ tài sản theo quy định của pháp luật. Trên thực tế, người thừa kế vẫn có quyền không nhận di sản cho đến khi di sản được phân chia mà không ai có thể buộc họ phải nhận, kể cả tòa án. Bởi vì, khi di sản được chia theo *thủ tục thỏa thuận* hoặc *thủ tục tư pháp*, thì người thừa kế vẫn có quyền từ chối nhận di sản. Như vậy, nếu vận dụng các thủ tục này, thì việc ràng buộc người thừa kế “*không được quyền từ chối thừa kế sau sáu tháng, kể từ ngày mở thừa kế*” như tinh thần của Điều luật chỉ còn có ý nghĩa hạn chế. Quyền thừa kế là một quyền tài sản của người thừa kế. Do đó, với tư cách là chủ sở hữu, người thừa kế có quyền định đoạt đối với tài sản của mình, bao gồm cả việc từ bỏ quyền sở hữu, nếu như việc định đoạt đó không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng hay lợi ích Nhà nước.

Bộ luật Dân sự 2015 quy định người thừa kế chỉ được quyền từ chối nhận di sản trước thời điểm phân chia di sản, bởi lẽ sau khi phân chia di sản thì quyền thừa kế đối với di sản của người thừa kế đã chuyển hóa thành quyền sở hữu đối với di sản. Hay nói cách khác, lúc này sẽ không còn tư cách người thừa kế đối với di sản nữa mà đã chuyển thành chủ sở hữu đối với phần di sản mà mình được nhận. Do đó, người thừa kế không thể từ chối nhận di sản nữa mà chỉ có thể thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với phần di sản mà mình được nhận, bao gồm cả quyền từ bỏ quyền sở hữu đối với phần di sản mà mình đã nhận. Lý luận này cũng có thể được sử dụng để giải thích trường hợp người từ chối nhận di sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung giấy từ chối nhận di sản không vi phạm pháp luật, nhưng lại lập trước thời điểm mở thừa kế<sup>17</sup>. Thời điểm mở thừa kế là thời bắt đầu phát sinh quan hệ thừa kế, những thỏa thuận

<sup>17</sup> Đoàn Đức Lương (2009), *Xác định thời điểm mở thừa kế khi giải quyết các trường hợp thừa kế*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15, tr. 32.

về từ chối nhận di sản trước thời điểm mở thừa kế hoàn toàn không phát sinh hiệu lực bởi cá nhân không thể từ chối những gì mà mình chưa có.

Thực tế, quy định này có thể làm phát sinh một số bất cập. Chẳng hạn, sau khi phân chia di sản thừa kế có thể phát sinh tranh chấp về hàng thừa kế, số lượng người thừa kế hay phần thừa kế, dẫn đến phải phân chia lại hoặc giải quyết tại Tòa án. Lúc này, về nguyên tắc theo quy định tại Bộ luật Dân sự 2015, người thừa kế sẽ không được quyền từ chối nhận di sản nữa vì đã phân chia di sản rồi. Điều này đã ngăn cản việc người thừa kế thể hiện ý chí của mình khi không muốn nhận phần di sản hoặc không muốn tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp nữa.

Nghiên cứu pháp luật một số nước trên thế giới, chúng ta có thể thấy rằng hầu như các nước đều không quy định thời hạn từ chối nhận di sản như Bộ luật Dân sự và thương mại Thái Lan (từ Điều 1610 đến Điều 1619), Bộ luật Dân sự Quebec (từ Điều 646 đến Điều 652). Ở Nga, việc nhận di sản thừa kế có một chút khác biệt. Đó là những người thừa kế muốn có quyền thừa kế phải có văn bản đồng ý nhận thừa kế trong thời hạn quy định (sáu tháng)<sup>18</sup>. Quá thời hạn này mà không có lý do chính đáng thì được xem như là từ bỏ quyền thừa kế của mình. Bộ luật Dân sự Nga cũng không có quy định về thời hạn người thừa kế được quyền từ chối nhận di sản. Theo Bộ luật này, trong thời hạn nhận quyền thừa kế, người thừa kế vẫn có thể lập văn bản từ chối nhận quyền thừa kế đối với phần di sản do người chết để lại<sup>19</sup>.

Chính vì thế, chúng tôi cho rằng, không cần thiết quy định về thời hạn được quyền từ chối nhận di sản. Việc áp dụng việc từ chối nhận di sản của người thừa kế hay từ bỏ quyền sở hữu của chủ sở hữu sẽ tùy vào từng thời điểm cụ thể mà áp dụng theo các quy định của Bộ luật Dân sự. Chẳng hạn, khi người thừa kế đã nhận di sản và trở thành chủ sở hữu tài sản đó, “di sản” đã không còn nên đương nhiên không thể áp dụng quy định về từ chối nhận di sản.

Tiếp tục nội dung này, liệu rằng nếu còn trong thời hạn từ chối nhận di sản thì người thừa kế có thể thay đổi quyết định của mình hay không, tức là hủy đi văn bản từ chối nhận di sản mà mình đã lập. Các văn bản trước đây cũng như Bộ luật Dân sự 2015 không đề cập tới vấn đề này. Một số tác giả cho rằng người thừa kế có thể thay đổi quyết định từ chối nhận di sản của mình, tức là hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản. Quy định tại Luật công chứng 2014 dường như cũng cho phép người thừa kế được hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản. Cụ thể, theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Công chứng 2014: “*Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó*”. Như vậy, theo quy định này, người thừa kế có thể thay đổi ý định của mình và yêu cầu tổ chức công chứng hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản.

<sup>18</sup> Điều 1154 Bộ luật Dân sự Nga.

<sup>19</sup> Khoản 2 Điều 1157 Bộ luật Dân sự Nga.

Quan điểm của tác giả không đồng ý với việc cho phép người thừa kế hủy bỏ việc từ chối nhận di sản. Bởi lẽ, việc từ chối nhận di sản về bản chất là việc thực hiện quyền định đoạt mà cụ thể là từ bỏ quyền sở hữu của chủ sở hữu là người thừa kế đối với tài sản là quyền thừa kế của mình. Mặt khác, một khi chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu tức là đã chấm dứt quyền sở hữu đối với tài sản đó. Khi đã từ chối nhận di sản, người thừa kế coi như đã từ bỏ quyền sở hữu đối với quyền thừa kế của mình và sẽ không còn bất kỳ quyền năng nào đối với quyền thừa kế đó. Do đó, người thừa kế không thể hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản để nhận lại quyền thừa kế của mình. Việc quy định như vậy là hợp lý, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự về quyền sở hữu, cũng như ràng buộc trách nhiệm của người thừa kế trong việc từ chối nhận di sản, tránh trường hợp thay đổi ý định một cách tùy tiện. Pháp luật các quốc gia trên thế giới hầu hết cũng quy định không cho phép người thừa kế rút lại quyết định từ chối nhận di sản. Bộ luật Dân sự và thương mại Thái Lan quy định việc từ chối nhận di sản không thể bị hủy bỏ<sup>20</sup>. Trong Bộ luật Dân sự Quebec, người đã từ bỏ quyền thừa kế sẽ không bao giờ được coi là người thừa kế nữa<sup>21</sup>. Bộ luật Dân sự Nga cũng không cho phép người thừa kế rút lại việc từ chối nhận di sản của mình<sup>22</sup>. Bộ luật Dân sự Pháp cũng quy định người thừa kế đã từ chối nhận di sản thì sẽ không thể trở thành người thừa kế nữa<sup>23</sup>, có nghĩa là sẽ không thể rút lại việc từ chối và chấp nhận tư cách thừa kế của mình. Từ đó, chúng tôi cho rằng nên bổ sung quy định vào Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015 về việc hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản theo hướng: “*Người thừa kế không được hủy bỏ văn bản từ chối nhận di sản.*”

## 5. Kết luận

Quyền từ chối nhận di sản là một trong những quyền năng của người thừa kế đối với phần di sản mà họ được hưởng không nằm ngoài các nguyên tắc chung về bảo vệ quyền sở hữu của pháp luật dân sự. Mặc dù Bộ luật Dân sự đã có quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề này nhưng việc áp dụng thực tiễn một cách đúng đắn, hợp lý đòi hỏi chúng ta phải có những sửa đổi phù hợp với yêu cầu của xã hội. Pháp luật dân sự nói chung và pháp luật về thừa kế nói riêng vốn đã hình thành và phát triển từ rất lâu, việc học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia phát triển là rất cần thiết nhằm loại bỏ những hạn chế còn tồn tại trong pháp luật hiện hành.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Đức Lương (2009), Xác định thời điểm mở thừa kế khi giải quyết các trường hợp thừa kế, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15.
2. Đỗ Văn Đại (2016), *Luật Thừa kế Việt Nam - Bản án và Bình luận bản án, tập 1*, Nxb Hồng Đức.

<sup>20</sup> Điều 1613 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan.

<sup>21</sup> Điều 647 Bộ luật Dân sự Quebec.

<sup>22</sup> Khoản 3 Điều 1157 Bộ luật Dân sự Nga.

<sup>23</sup> Điều 785 Bộ luật Dân sự Pháp.

3. Lê Đình Nghị (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam - Tập một*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

4. Nguyễn Ngọc Điện (1999), *Một số suy nghĩ về thừa kế trong Bộ luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Văn Mạnh (2002), *Hoàn thiện chế định thừa kế trong Bộ luật Dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 4.